TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2023/DS-ST Ngày 30-3-2023 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Phan Thị Minh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đỗ Trọng A - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần K; địa chỉ: Số 87 đường T1, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 8 năm 2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; cùng địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K do người đại diện hợp pháp trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần K (viết tắt là Ngân hàng K) cấp tín dụng cho anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 ngày 15/11/2019; số tiền vay và giải ngân là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 636.1/19/KUNN ngày 15/11/2019; mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô KIA Soluto; thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 15/11/2019; lãi suất cho vay: 12,8%/năm áp dụng đối với các Khế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 03 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được điều chỉnh như sau: Lãi suất vay bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 4,3%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lịch trả nợ gốc, lãi vay: ngày 15 hàng tháng, ngày trả gốc, lãi đầu tiên là 15/12/2019. Mỗi kỳ hạn trả nợ gốc, anh D và chị N phải trả như sau: Từ kỳ 01 đến kỳ 83: 4.100.000 đồng/kỳ; kỳ 84 phải trả: 9.700.000 đồng. Anh D, chị N đã nhận đủ số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 15/11/2019.

Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng vay: Là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, màu xanh, biển kiểm soát 15A-538.14, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D, số máy G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630; theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 636/19/HĐTC-MMTB/1402-1573 ngày 15/11/2019 ký giữa anh D, chị N và Ngân hàng K. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Gia Phúc, thành phố Hải Phòng, số công chứng 6895/2019, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2019. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 15/11/2019 đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 ngày 15/11/2019: Tính đến thời điểm ngày 20/8/2022 anh D và chị N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K như sau: Nợ gốc đã trả 86.068.019 đồng; Nợ lãi đã trả: 81.649.380 đồng; Tổng số tiền đã trả: 167.717.399 đồng. Tuy nhiên, anh D và chị N thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng K đã nhiều lần làm việc với khách hàng để đôn đốc nghĩa vụ trả nợ. Ngày 08/4/2021 Ngân hàng K đã gửi Thông báo số 232a/TB-PGDNQ về việc yêu cầu anh D, chị N phải thanh

toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi. Ngày 15/11/2021 và ngày 21/11/2021 Ngân hàng K đã gửi Thông báo số 709 và số 723/TB-NQ về việc thu hồi khoản nợ trước hạn. Đến nay, anh D, chị N vẫn không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, không thực hiện tất toán khoản vay theo thông báo.

Nay Ngân hàng K đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc anh D và chị N phải trả cho Ngân hàng K số tiền tạm tính đến ngày xét xử ngày 30/3/2023 là: 333.605.552đ *(ba trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng)*. Trong đó, nợ gốc: 263.931.981 đồng; lãi trong hạn: 61.037.830 đồng; lãi quá hạn: 3.950.847 đồng; lãi chậm trả: 4.684.894 đồng. Anh D và chị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 31/3/2023 cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng K.

2. Trong trường hợp anh D, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, màu xanh, biển kiểm soát 15A-538.14, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D, số máy G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630.

Bị đơn là anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Nhưng anh D, chị N không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh D và chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh D, chị N là bị đơn vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 274, 275, 280, 288, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Các điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc anh D và chị N phải liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 30/3/2023 là: 333.605.552đ *(ba trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng)*. Trong đó, nợ gốc: 263.931.981 đồng; lãi trong hạn: 61.037.830 đồng; lãi quá hạn: 3.950.847 đồng; lãi chậm trả: 4.684.894 đồng.

Kể từ ngày 31/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh D và chị N còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 ngày 15/11/2019 và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng K và anh D, chị N. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp anh D, chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 636/19/HĐTC-MMTB/1402-1573 ngày 15/11/2019 đã ký giữa Ngân hàng K và anh D, chị N là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, màu xanh, biển kiểm soát 15A-538.14, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D, số máy G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630.

- Về án phí: Anh D và chị N phải liên đới chịu 16.680.277đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và công bố tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Giữa Ngân hàng K và anh D, chị N có ký hợp đồng tín dụng vay tiền, mục đích vay là thanh toán một phần tiền mua xe ô tô. Nay Ngân hàng K yêu cầu anh D, chị N thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Anh D, chị N có nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện K; căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, anh D và chị N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp: Ngân hàng K và anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị N cùng thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 636.1/19/KUNN cùng ngày 15/11/2019. Theo hợp đồng, Ngân hàng K cho anh D, chị N vay số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 15/11/2019; lãi suất được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng vay: là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, màu xanh, biển kiểm soát 15A-538.14, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D, số máy G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630. Ngân hàng K và anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị N cùng thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 636/19/HĐTC-MMTB/1402-1573 ngày 15/11/2019; đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Gia Phúc, thành phố Hải Phòng, số công chứng 6895/2019, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2019; đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm. Xét thấy khi ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp các bên tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập và buộc các bên phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng K đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho anh D, chị N vay đầy đủ theo đúng cam kết tại Hợp đồng tín dụng. Mặc dù đã nhận tiền vay nhưng anh D, chị N đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn. Do anh D, chị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng K khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 BLDS năm 2015, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản bảo đảm: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nêu trên. Tuy nhiên, anh D và chị N đều vắng mặt và không mang tài sản thế chấp đến địa điểm xem xét, thẩm định nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ không tiến hành được. Tòa án đã có công văn gửi Công an huyện K để cung cấp thông tin liên quan đến xe ô tô trên. Tại Công văn số 444/CAKT ngày 03/02/2023 và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an huyện K đã xác định: 01 xe ô tô con biển kiểm soát 15A-538.14, nhãn hiệu Kia, màu sơn xanh, số máy

G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D trú tại P, Đ, K, Hải Phòng, không thể hiện xe bị thu hồi hay chuyển nhượng cho người khác; trạng thái xe trên hệ thống đăng ký xe: "Xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của ngân hàng".

[5] Về khoản tiền nợ gốc và nợ lãi: Bảng kê tính gốc, lãi theo hợp đồng tính đến ngày xét xử (ngày 30/3/2023) của Ngân hàng K thể hiện anh D, chị N còn nợ tổng số tiền là 333.605.552đ *(ba trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng)*. Trong đó, nợ gốc: 263.931.981 đồng; lãi trong hạn: 61.037.830 đồng; lãi quá hạn: 3.950.847 đồng; lãi chậm trả: 4.684.894 đồng. Xét đây là khoản tiền các bên đã có thỏa thuận, lãi suất thỏa thuận phù hợp với Điều 275, 280, 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên việc Ngân hàng K yêu cầu anh D, chị N trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 636.1/19/KUNN cùng ngày 15/11/2019 thể hiện bên vay là anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N. Do vậy, xác định đây là khoản nợ chung của anh D và chị N. Mặc dù anh chị đã ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 173/2020/QĐST-HNGD ngày 29/10/2020, nhưng trong đó nội dung về tài sản chung, công nợ ghi nhận: *"Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Nên xác định anh D và chị N phải có nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ nêu trên là phù hợp với Điều 274, 275, 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Kể từ ngày 31/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh D và chị N còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 636.1/19/KUNN cùng ngày 15/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng K và anh D, chị N. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[8] Trong trường hợp anh D, chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nêu trên.

[9] Về án phí: Anh D và chị N phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 333.605.553đồng x 5% =16.680.277đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116, 117, 274, 275, 280, 282, 288, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 30/3/2023) là: 333.605.552đ *(ba trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng)*. Trong đó, số tiền nợ gốc: 263.931.981 đồng; lãi trong hạn: 61.037.830 đồng; lãi quá hạn: 3.950.847 đồng; lãi chậm trả: 4.684.894 đồng.

Kể từ ngày 31/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 636/19/HĐTD/1402-1573 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 636.1/19/KUNN cùng ngày 15/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần K và anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị N. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 636/19/HĐTC-MMTB/1402-1573 ngày 15/11/2019 đã ký giữa anh Trần Văn D, chị Nguyễn Thị N – bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại cổ phần K – bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con biển kiểm soát 15A-538.14, nhãn hiệu Kia, màu sơn xanh, số máy G4LCK1105695, số khung 41A4KC166630, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093982 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2019, tên chủ xe Trần Văn D.

3. Về án phí: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N phải chịu chung 16.680.277đ (mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, hai trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.610.000đ (bảy triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) theo biên lai số 0001806 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà